

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thắm;

Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thịnh Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: xóm Hải Lộc, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Mai Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ: xóm 8, xã Tr, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Thịnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do: anh D sa đà rượu chè, chửi bới, đánh đập vợ con, nhục mạ vợ và gia đình bên vợ. Tháng 11 năm 2014, chị T không chịu đựng được nên bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Hai vợ chồng ly thân từ thời điểm đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Mai Thị P, sinh ngày 30/6/2011 và Mai Văn Q, sinh ngày 02/6/2013. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 08/10/2018, anh Mai Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Thịnh Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do: bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Năm 2014, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Hai vợ chồng ly thân từ thời điểm đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cũng đồng ý ly hôn chị T.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Mai Thị P, sinh ngày 30/6/2011 và Mai Văn Q, sinh ngày 02/6/2013. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt nên chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với chị T và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thịnh Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân và tài sản. Về con: chị đề nghị để cháu Phúc cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thịnh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng dân sự:** Chị Thịnh Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Mai Văn D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 30/01/2019, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh D vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh D vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử lần hai vắng mặt anh D.

[2] **Về hôn nhân:** Chị Thịnh Thị T và anh Mai Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh D hay rượu chè, chị T bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ năm 2014, vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn, anh D cũng đồng ý. Như vậy, chứng tỏ chị T và anh D không tha thiết gì đến việc hàn gắn hôn nhân, níu kéo tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 07/12/2018, xóm trưởng xóm 8 (nay là thôn Trung Điền), xã Tr cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D sa đà rượu chè nên chị T bỏ về nhà bố mẹ để ở xã Nga Hải sinh sống từ năm 2014 đến nay. HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] **Về con:** Chị T và anh D có 02 con chung là Mai Thị P, sinh ngày 30/6/2011 và Mai Văn Q, sinh ngày 02/6/2013. Chị T đề nghị để cháu Phúc cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu P đang ở với bố và có nguyện vọng được ở với bố để được ăn học tốt hơn, cháu Q còn nhỏ tuổi cần phải có sự chăm sóc của người mẹ nên cần xử giao cháu Mai Thị P cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Mai Văn Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[4] **Về tài sản:** Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên miễn xét.

[5] **Về án phí:** Chị Thịnh Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thịnh Thị T, cho chị Thịnh Thị T được ly hôn anh Mai Văn D.

2. **Về con:** Giao cháu Mai Thị P, sinh ngày 30/6/2011 cho anh Mai Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Mai Văn Q, sinh ngày 02/6/2013 cho chị Thịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng nhau. Anh D và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. **Về án phí:** Chị Thịnh Thị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0004897 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Chị Thịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mai Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyền